

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 686 /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 3 năm 2024

V/v báo giá: Cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập dự toán **Cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị**. Để có cơ sở lập dự toán, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV mời Quý Công ty báo giá các loại danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHDĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 19/3/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Phú Cường

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 686 /NĐĐT-KHVT ngày 13/3/2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)
1	Pin CR2	Pin 3V lithium Cr2		Viên	1,0			
2	Cáp điện cao su 3x6	Mã hiệu: CNRNR 3x6.0 của nhà sản xuất Cadisun		Mét	100,0			
3	Dây điện	Cable ZRC-KVV32P2-0.6/1KV 7*1.5		Mét	80,0			
4	Dây cáp ngầm 3x25	Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x25mm2 0.6/1kV		Mét	10,0			
5	Cáp điện cao su 3x4	Mã hiệu: CNRNR 3x4.0 của nhà sản xuất Cadisun		Mét	200,0			
6	Dây cáp nguồn	Mã hiệu: CS VCTF 3x2.5mm của nhà sản xuất Cadisun		Mét	80,0			
7	Ống bảo ôn Ø16	Quy cách: Ø16x10mm; vật liệu: xốp PE		Mét	30,0			
8	Ống bảo ôn Ø13	Quy cách: Ø13x10mm; vật liệu: xốp PE		Mét	30,0			
9	Băng quấn bảo ôn	Kích thước: 77x0,25mm; vật liệu: PVC		Cuộn	5,0			
10	Lọc gas điều hoà	Quy cách: Ø30x145mm; vật liệu: đồng		Cái	10,0			
11	Gác co ren trong Ø19	Ø19mm; vật liệu: đồng		Cái	5,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
12	Gắc co ren trong Ø12	Ø12mm; vật liệu: đồng		Cái	5,0			
13	Gắc co ren trong Ø16	Ø16mm; vật liệu: đồng		Cái	5,0			
14	Van khoá gas Ø19	Ø19mm; vật liệu: đồng		Cái	5,0			
15	Van khoá gas Ø12	Ø12mm; vật liệu: đồng		Cái	5,0			
16	Van khoá gas Ø16	Ø16mm; vật liệu: đồng		Cái	5,0			
17	Đui xoay sứ	E27		Cái	64,0			
18	Bơm tay thùng phuy	Mã hiệu: DBK JW-490S của nhà sản xuất CASH JING		Cái	2,0			
19	Băng keo 2 mặt	Mã hiệu: VHB 5962 của nhà sản xuất 3M		Cuộn	30,0			
20	Cút chữ T	Quy cách: Ø25; vật liệu: nhựa PPR		Cái	4,0			
21	Van tay vô lăng Ø21	Quy cách: Ø21-PN10; đầu kết nối ren; vật liệu: Đồng		Cái	4,0			
22	Đai giữ ống	Quy cách: Ø25; vật liệu SUS304		Cái	20,0			
23	Vít + nở nhựa	M6x30; vật liệu: SUS 304		Bộ	350,0			
24	Bi cao su	Quy cách: Ø23; vật liệu: cao su (200 viên/túi)		Viên	3000,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
25	Bơm mỡ	Mã hiệu: TLGH1 của nhà sản xuất SKF		Cái	7,0			
26	Kẹp vú mỡ nhanh cho bơm mỡ cầm tay	Kẹp bơm mỡ 2 cánh, 6 chấu, đầu ren M10 (9,6mm) kèm ống dẫn mỡ mềm bấm sẵn 2 đầu ren M10 (9,6mm) chịu áp lực 207bar		Cái	30,0			
27	Bu lông chữ U	Quy cách: M10, lắp đường ống Ø200; vật liệu: SUS 304		Cái	33,0			
28	Vít bản tôn	2 inch		Cái	8,0			
29	Bộ cửa chống cháy 4 cánh	Kích thước khung bao: 3300x3000x40 mm; vật liệu: SUS 304 dày 3mm (bao gồm phụ kiện khung bao, khóa cửa, bản lề)		Bộ	1,0			
30	Lọc khí	Mã hiệu: AFR-2000		Cái	1,0			
31	Thép	Kích thước: L63x63x6mm, vật liệu: thép CT3		Kg	150,0			
32	Gioăng cao su van ba ngã đá vôi	Mã hiệu: P5341C-00, DN300 của nhà sản xuất Clyde Huatong Valve (Beijing) Co., Ltd		Cái	2,0			
33	Kính trắng hai lớp	Kích thước: 1020x795x6,38mm		Tám	1,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
34	Cáp điện đồng bọc cao su	3x16+1x10SQMM		Mét	30,0			
35	Dây curoa	Mã hiệu: V-BELT C-112 của nhà sản xuất HP MAX		Cái	4,0			
36	Bộ cửa nhựa lõi thép	Kích thước khuôn bao: 2450x1000mm (bao gồm khuôn bao, bản lề, khóa cửa)		Bộ	1,0			
37	Vít (bao gồm cả vít và nở nhựa)	M10x60		Bộ	20,0			
38	Gioăng chỉ cao su	Quy cách: Ø230x3,55mm; nhiệt độ làm việc: ≥ 200 độ C; vật liệu: Cao su		Cái	1,0			
39	Gioăng thép xoắn Ø98x84x3.2mm	Gioăng thép xoắn Ø98x84x3.2mm; Vật liệu: SS316L; Basic type		Cái	1,0			
40	Chổi quét sơn 3"	3inch		Cái	10,0			
41	Gioăng thép xoắn	Kích thước: OD150xID98xTHK5; Vật liệu: SS316L; Basic type		Cái	4,0			
42	Mô lét 15inch	Mã hiệu: 10KPS MLX15 của nhà sản xuất Kapusi		Cái	2,0			
43	Đầu cốt đúc	SC2.5-4; vật liệu: đồng		Cái	32,0			
44	Van bướm	Mã hiệu: D371X-16 (DN25, loại van tay quay) của nhà sản xuất Wafer		Cái	1,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
45	Van tay	Quy cách: DN25; vật liệu: UPVC		Cái	1,0			
46	Van cấp liệu kiểu quay	Bao gồm hộp giảm tốc, động cơ, van cấp liệu với thông số Mặt bích kết nối 315x315mm (8 lỗ bu lông) khoảng cách 2 mặt bích 325 ± 2mm, tốc độ van 20-30RPM, kiểu van: trục nằm ngang, dung tích van 10-15L, Công suất động cơ ≥ 0,75kW; Điện áp định mức 380V, tần số định mức 50Hz		Cái	2,0			
47	Van 1 chiều	DN25-PN16; vật liệu: SUS304 (gồm mặt bích và bulong) loại van tay quay vô lăng		Bộ	2,0			
48	Van tay quay	Mã hiệu: J41H-16C (DN32-PN1.6) của nhà sản xuất Shanghai Hualong Valve		Bộ	3,0			
49	Van góc chữa cháy	Mã hiệu: FHIX-0065 (DN65, áp suất làm việc: PN10/PN16, nhiệt độ làm việc -10 đến 80°C) của nhà sản xuất Shinyi		Cái	2,0			
50	Van tay gạt	Loại van J41T-16, DN25-PN1.6, nhiệt độ làm việc		Bộ	1,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
		≤200°C (bao gồm mặt bích + bu lông)						
51	Van tay kết nối mặt bích	Loại van J41T-16, DN20-PN1.6MPa, ≤200°C (bao gồm mặt bích + bu lông)		Bộ	1,0			
52	Van tay gạt	DN34-PN10; Vật liệu SUS304		Cái	1,0			
53	Van khí nén	Mã hiệu: D671X-10 (DN350; Áp lực: 1Mpa; Khoảng cách mặt bích 90; M20x180; 16 bộ bu lông SUS304) của nhà sản xuất Shanghai No.5 Valve Factory		Cái	1,0			
54	Van tay gạt	Quy cách: 1"-PN10; Vật liệu: SUS316; kết nối ren trong		Cái	1,0			
55	Van bi 1inch	Kích thước: 1inch; Vật liệu: SUS304, kết nối ren trong 2 đầu, van tay gạt (1000WOG)		Cái	3,0			
56	Van tay vô lăng Ø34	Quy cách: Ø34-PN10; 2 đầu kết nối ren; vật liệu: Đồng		Cái	1,0			
57	Cánh quạt làm mát	Đường kính trong 43mm; đường kính ngoài 180mm, vật liệu nhựa, rãnh then suốt 12x8mm		Cái	1,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
58	Cốc lọc dầu bôi trơn	Mã hiệu: QAL4000 (1Mpa) của nhà sản xuất Xing Yick Pneumatic Engineering		Cái	2,0			
59	Thanh trục thép	Ø8x1000mm; vật liệu: SUS 304		Cái	4,0			
60	Kính hàn hơi	Chất liệu mắt kính làm bằng vật liệu ABS; Khung kính làm bằng PVC		Cái	5,0			
61	Phin lọc gas	Mã hiệu: DCL 304 (hai đầu nối ống ren Ø12mm) của nhà sản xuất Danfoss		Cái	4,0			
62	Phin lọc gas	Mã hiệu: DCL 305 (hai đầu nối ống ren Ø16mm) của nhà sản xuất Danfoss		Cái	1,0			
63	Ống bảo ôn	Quy cách: Ø16x9mm; vật liệu xốp PE		Mét	24,0			
64	Ống bảo ôn	Quy cách: Ø13x10mm; vật liệu xốp PE		Mét	24,0			
65	Máy thổi bụi dùng pin	Mã hiệu: DMUB182Z (bao gồm cả pin và sạc) của nhà sản xuất Makita		Bộ	12,0			
66	Bơm dầu quay tay	Mã hiệu: L0019-25 của nhà sản xuất C-Mart		Cái	2,0			
67	Dây dẫn nước	Dây dẫn nước 1/2"x400mm; chất liệu: hai đầu nối ê cu inox, lớp trong nhựa PVC,		Cái	4,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
		lốp ngoài bọc sợi SUS301						
68	Vòng bi 6200-2Z	Mã hiệu: 6200-2Z của nhà sản xuất SKF		Cái	20,0			
69	Bộ lọc dầu bôi trơn	Mã hiệu: WDK725 của nhà sản xuất Mann Filter		Bộ	2,0			
70	Bộ lọc dầu nhiên liệu	Mã hiệu: H12 100/2X của nhà sản xuất Mann Filter		Bộ	2,0			
71	Đồng hồ đo áp suất	Đồng hồ đo áp suất D100; thang đo 0-1,6Mpa, ren M20x1,5mm, có dầu chống rung		Cái	1,0			
72	Bu lông + cao su giảm chấn	M12x85mm		Bộ	10,0			
73	Tay vận vô lăng	Kích thước: đường kính trong 17,76mm; rãnh cá rộng 4,68mm, độ dài rãnh 25mm (vật liệu kim loại); đường kính ngoài 200mm (vật liệu nhựa)		Cái	1,0			
74	Tay xoay	Mã hiệu: CM-BC1 nhà sản xuất Zhongshan Mingyang Electric		Cái	1,0			
75	Gioăng chữ U	Loại gioăng cao su cứng; độ dày gioăng cao su 3mm; cạnh dài: 20mm; cạnh ngắn: 10mm; cạnh đáy: 10mm;		Mét	200,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
		phần rãnh: 4mm						
76	Phốt	Mã hiệu: 22x12x6 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF		Cái	2,0			
77	Phốt	Mã hiệu: 20x32x7 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF		Cái	3,0			
78	Ống cao su chịu áp	Quy cách: Ø34, P=10Bar (20m/cuộn)		Cuộn	10,0			
79	Máy hàn xung cầm tay	Điện áp: 220VAC; công suất: 100W		Cái	1,0			
80	Ô cắm âm kín nước 3 pha	Mã hiệu: PCE-033-019 (63A-6h; 3P+E, IP67) của nhà sản xuất PCE		Cái	1,0			
81	Cốc lọc khí van điều áp	Mã hiệu: AW2000-02 của nhà sản xuất PVN		Cái	1,0			
82	Bộ hẹn giờ	Mã hiệu: KG316T-II của nhà sản xuất OKISA		Cái	1,0			
83	Gioăng cao su (chữ U vuông)	Kích thước: cao 20mm, rộng 10mm, độ dày 3mm, khe rãnh vuông 5mm		Mét	200,0			
84	Gioăng cao su cách điện	Quy cách: Ø12 lắp cho bu lông Ø12 sứ hạ áp máy biến áp (mã hiệu máy: GDZ-1.0/72 của nhà sản xuất Zhejiang Tiancheng Environment Protection Technology Co.,Ltd		Cái	6,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
85	Gioăng cao su cách điện	Kích thước: 50x27x7mm lắp cho bu lông Ø12 sử hạ áp máy biến áp (mã hiệu máy: GDZ-1.0/72 của nhà sản xuất Zhejiang Tiancheng Environmetal Protection Technology Co.,Ltd)		Cái	12,0			
86	Cánh quạt làm mát động cơ 7,5kW	Đường kính lỗ trục 38mm; đường kính cánh quạt 150mm; vật liệu: nhựa PP		Cái	1,0			
87	Dây Curoa quạt giàn lạnh	A38		Cái	1,0			
88	Máng sông nổi ống	UPVC: Ø110mm; PN10		Cái	2,0			
89	Phin lọc dầu nhiên liệu	Mã hiệu: FS1212 của nhà sản xuất Fleetguard		Cái	2,0			
90	Phin lọc dầu động cơ	Mã hiệu: LF9009 (S4011544) của nhà sản xuất Fleetguard		Cái	1,0			
91	Phin lọc gió to	Mã hiệu: T220.0013.7.3.1 của nhà sản xuất Shantesongzeng		Cái	1,0			
92	Phin lọc gió nhỏ	Mã hiệu: T220.0013.7.2 của nhà sản xuất Shantesongzeng		Cái	1,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
93	Van tay cửa trượt	Mã hiệu: PZL 73-10C (DN300-PN10; vật liệu WCB; bao gồm 02 mặt bích, bu lông) của nhà sản xuất Shanghai Ritai Valve Group Co., Ltd		Bộ	1,0			
94	Khớp nối mềm sáng rung	Vải bạt 3 lớp silicon 0,3x12m		Mét	1,0			
95	Bộ cửa chống cháy 1 cánh	Kích thước khung bao: 2100x1000x40mm; vật liệu: SUS304 dày 3mm (bao gồm phụ kiện khung bao, khóa cửa, bản lề)		Bộ	3,0			
96	Thép ống đúc	Quy cách: Ø34x3mm, vật liệu: thép CT3 (6 mét/cây)		Mét	198,0			
97	Cút 90 độ	Quy cách: Ø34mm; vật liệu: thép CT3		Cái	10,0			
98	Van tay quay	Mã hiệu: J41T-16 (DN20-PN16; ≤ 120°C; bao gồm cả mặt bích, bu lông) của nhà sản xuất Shanghai Ritai Valve Group Co., Ltd		Bộ	3,0			
99	Thép ống đúc	Quy cách: Ø48x3mm; vật liệu: thép CT3 (6 mét/cây)		Mét	42,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
100	Tấm nhựa lấy ánh sáng	Kích thước: 3500x1080x2mm; 11 sóng, vật liệu sợi thủy tinh		Tấm	2,0			
101	Van tay kết nối mặt bích	DN300-PN16; Vật liệu thân van QT450; khoảng cách giữa 2 mặt bích 400mm; 12 lỗ bu lông M20		Bộ	2,0			
102	Cáp điện mềm vỏ chống cháy	CXV/FR 4+1,5mm ² ; 0,6/1kV		Mét	7,0			
103	Xích nhựa luồn dây cáp điện	Kích thước trong cao 18mm; rộng 25mm; kích thước ngoài cao 23mm; rộng 35mm; dài 1m/đoạn; lực bền kéo 180N/mm ² ; chịu lực 50kJ/m ²		Mét	5,0			
104	Sơn chịu nhiệt Jotun	Sơn chịu nhiệt sơn 1 thành phần khô lý gốc silicone acrylic Jotun Solvalitt Midtherm; chịu nhiệt độ 260°C		Kg	40,0			
105	Van tay kết nối mặt bích	Mã hiệu: EG41J-10; DN100-PN1.0Mpa; ≤ 85 độ C của nhà sản xuất China Shangyu Group Co.,Ltd		Bộ	1,0			
106	Máy đo khí H2	Mã hiệu: SP Secure (H2) của nhà sản xuất Senko		Cái	1,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
107	Bộ cửa chống cháy 1 cánh	Kích thước khuôn bao: 2080x1000x40mm; vật liệu: SUS304, dày 3mm (bao gồm phụ kiện khung bao, khóa cửa, bản lề)		Bộ	1,0			
108	Bộ cửa chống cháy 1 cánh	Kích thước khuôn bao: 2080x1000x40mm; vật liệu: SUS304, dày 3mm (bao gồm phụ kiện khung bao, khóa cửa, bản lề)		Bộ	1,0			
109	Gioăng chỉ cao su chịu nhiệt Ø218x5,3	Quy cách: Ø218x5,3mm, kiểu gioăng chữ O dạng vòng kín; nhiệt độ làm việc: ≥ 200 độ C; vật liệu: Cao su		Cái	32,0			
110	Gioăng chỉ cao su chịu nhiệt Ø230x5,3	Quy cách: Ø230x5,3mm, kiểu gioăng chữ O dạng vòng kín; nhiệt độ làm việc: ≥ 200 độ C; vật liệu: Cao su		Cái	32,0			
111	Đinh vít bản tôn inox tự khoan	Kích thước: M5.5x40mm; vật liệu: SUS304		Cái	500,0			
112	Vòi bơm mỡ nhựa lõi thép	Kích thước: M8x300mm; vật liệu: Nhựa lõi thép		Cái	50,0			
113	Vú bơm mỡ thẳng M10	Quy cách: M10; vật liệu: SUS304		Cái	170,0			
114	Vú bơm mỡ thẳng M8	Quy cách: M8; vật liệu: SUS304		Cái	200,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
115	Vành chặn thép	Quy cách: Ø75x68x3,5mm; Vật liệu thép 65Mn		Cái	48,0			
116	Ống lót bơm trục đứng	Quy cách: Ø90x100mm; vật liệu: nhựa POM; dày 10mm		Cái	10,0			
117	Gioăng thép 12B7100X032	Mã hiệu: 12B7100X032 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 2 inch; kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	1,0			
118	Gioăng thép 12B6755X012	Mã hiệu: 12B6755X012 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van control 2 inch; kiểu van: HPS nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	1,0			
119	Gioăng thép 12B6756X012	Mã hiệu: 12B6756X012 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van control 2 inch Fisher; kiểu van: HPS nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	1,0			
120	Gioăng thép 12B7100X132	Mã hiệu: 12B7100X132 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 2 inch; kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	8,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
		Emerson)						
121	Gioăng thép 26A5320X012	Mã hiệu: 26A5320X012 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 3 inch; kiểu van: EHT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Cái	2,0			
122	Tết chèn X012-852354-002 (13A)	Chi tiết số 13A trên bản vẽ X012-852354-002 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 18 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	4,0			
123	Tết chèn X012-852354-002 (13B)	Chi tiết số 13B trên bản vẽ X012-852354-002 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 18 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	10,0			
124	Tết chèn X023-852354-001 (13A)	Chi tiết số 13A trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 14 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	4,0			
125	Tết chèn X023-852354-001 (13B)	Chi tiết số 13B trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất VELAN (lắp cho van 14 inch, class 2500 của nhà sản xuất VELAN)		Cái	10,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
126	Tết chèn RPACKX00122	Mã hiệu: RPACKX00122 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 2 inch; Kiểu van: HPT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Bộ	3,0			
127	Tết chèn RPACKX00112	Mã hiệu: RPACKX00112 của nhà sản xuất Emerson		Bộ	7,0			
128	Tết chèn RPACKX00032	Mã hiệu: RPACKX00032 của nhà sản xuất Emerson (lắp đặt cho van shut-off 3 inch; Kiểu van: EHT nhãn hiệu Fisher của nhà sản xuất Emerson)		Bộ	2,0			
129	Tết chèn	Chi tiết số 6 trên bản vẽ EBC-6020L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 20 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
130	Tết chèn EBC-6020L (20 inch)	Chi tiết số 7 trên bản vẽ EBC-6020L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 20 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,0			
131	Tết chèn EBC-6020L (22 inch)	Chi tiết số 6 trên bản vẽ EBC-6022L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 22 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,0			
132	Tết chèn EBC-6020L	Chi tiết số 7 trên bản vẽ EBC-6022L của nhà sản xuất Everest Valve (lắp cho van bướm điều chỉnh (butterfly control valve) với kích thước 22 inch của nhà sản xuất Everest Valve)		Cái	6,0			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
133	Bìa không amiang dạng tấm 1500x1500x1	Mã hiệu: Teadit GR 1700 (kích thước: 1500x1500x1mm; áp suất làm việc: 250 bar; nhiệt độ làm việc: $\geq 800^{\circ}\text{C}$) của nhà sản xuất Teadit Group		Tám	2,0			
134	Bìa không amiang dạng tấm 1500x1500x2	Mã hiệu: Teadit GR 1700 (kích thước: 1500x1500x2mm; áp suất làm việc: 250 bar; nhiệt độ làm việc: $\geq 800^{\circ}\text{C}$) của nhà sản xuất Teadit Group		Tám	2,0			
135	Bìa không amiang dạng tấm 1500x1500x3	Mã hiệu: Teadit GR 1700 (kích thước: 1500x1500x3mm; áp suất làm việc: 250 bar; nhiệt độ làm việc: $\geq 800^{\circ}\text{C}$) của nhà sản xuất Teadit Group		Tám	2,0			
136	Tủ điều khiển	Kích thước: 600x380x210mm; vật liệu: SUS304, dày 1,5mm - Phần điều khiển mã hiệu: YSC-DN50BF, (10W-230V) của nhà sản xuất YSC;		Cái	2,0			
137	Van điều khiển điện			Cái	01			

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
		- Phần van mã hiệu: PO8972 (DN50-PN16) của nhà sản xuất YSC						
138	Cánh quạt	Kích thước: 154x42x10mm; vật liệu: thép CT45		Cái	08			
139	Cánh quạt làm mát động cơ	Đường kính trong 43mm; đường kính ngoài 180mm		Cái	01			
140	Bộ đo lưu lượng	Mã hiệu: 10L1F-UE0A1AG2A4AA (Promag 10; 85-250VAC; 12VA Promag L; DN150 DIN/EN PN10; ~10 - 50°C) của nhà sản xuất EH		Bộ	01			
141	Cảm biến đo mức	Mã hiệu: Prosonic T FMU30-AAHEAAGGF; 14~35VDC; 0,8W; 4~20mA của nhà sản xuất Endress+Hauser		Cái	04			
142	Cao su giảm chấn	27x14x8		Cái	40			
Tổng cộng								
Thuế GTGT								
Tổng cộng đã bao gồm thuế, phí, lệ phí								
Bảng chữ:								

Ghi chú:

- Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.
- Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn trên thị trường hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn trên thị trường hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.
- Khối lượng lấy theo nhu cầu từng đợt của bên mua.